TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUANG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày 14/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phùng Thành.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Sơn.
2. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà**: Ông Nguyễn Trường Danh – Thư ký TAND huyện T.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 05/4/2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 03/5/2024 ; Quyết định hoãn phiên phien tòa số : 07/2024/HSST-QĐ ngày 22/5/2024 đối với bị cáo sau đây:

Nguyễn Thị Hải N, sinh năm: 1991, tại: huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 2, thôn L, xã QL, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ. Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1966; Chồng: Huỳnh Công P, sinh năm: 1989. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018; con nhỏ nhất sinh năm 2023;

Tiền án:- Tại bản án số: 33/2022/HS-ST ngày 29/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Q tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện bị cáo đang được hoãn chấp hành hình phạt tù theo quyết định số 07/2022/THAHS-QĐ ngày 14/10/2022 của TAND huyện Q (lý do: Đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi).

- Ngày 25/9/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Q khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội: "Trộm cắp tài sản". Ngày 08/5/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Q tuyên phạt 04 năm 06 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp với bản án số: 33/2022/HS-ST ngày 29/8/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án là: 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: + Ngày 24/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

+ Ngày 11/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/11/2015, bị Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm: 1965

Ông Võ Văn X, sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện T.

(Bà N, ông X vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 15 giờ ngày 01/12/2023, Nguyễn Thị Hải N điều khiển xe mô tô không rõ biển kiểm soát (xe này N khai mượn của một người tên B không rõ họ tên ở thành phố Đà Nẵng) đi từ thị trấn H theo tuyến Quốc lộ 14E. Khi đi đến đoạn Thôn N, xã B, huyện T thì xe bị thủng lốp nên N đem xe vào tiệm sửa xe của anh Lý Quốc C để sửa xe. Khi ngồi đợi anh C vá xe, N quan sát thấy quầy thuốc tây Xuân Nguyệt của vợ chồng anh Võ Văn X, chị Nguyễn Thị Thu N, trú: Thôn N, xã B, huyện T đối diện với tiệm sửa xe của anh C không có người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N đi vào tiệm thuốc tây lại hộc tủ lấy trộm 01 cái ví da đựng tiền màu đỏ và toàn bộ tiền bán thuốc. Sau khi lấy được cái ví và tiền trong hộc tủ, N lấy xe đi về nhà, khi đến đoạn thôn L, xã QL, N dừng xe kiểm đếm được số tiền trộm cắp được 2.100.000 đồng và vứt cái ví tại ven đường. Đến ngày 12/12/2023, anh X kiểm tra camera phát hiện có người vào quầy thuốc tây lấy trộm cái ví và tiền trong hộc tủ nên đến Công an xã B báo cáo sự việc, quá trình điều tra N thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 thẻ nhớ có chứa đoạn video dài 01 phút 34 giây được cắt ra từ camera giám sát của gia đình anh X ghi lại diễn biến Nguyễn Thị Hải N lấy trộm tài sản.

- Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSTB-HS ngày 03/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hải N, về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Thị Hải N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn, nuôi con nhỏ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Nguyễn Thị Thu N trình bày trong hồ sơ: Bà bị mất số tiền 2.100.000 đồng và một ví da mua đã lâu, giá trị của chiếc ví 50.000 đồng. Thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo quá khó khăn nên Bà N không yêu cầu bồi thường số tiền và ví da đã mất. Đồng thời xin giảm nhẹ cho bị cáo N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 29/8/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Q tuyên phạt 15 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ theo

khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo: Nguyễn Thị Hải N, phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải N từ 06 đến 09 tháng tù. Tổng hợp với bản án số: 11/2024/HS-ST ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Q. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án.

+ Những vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với xe mô tô không rõ biển số Nguyễn Thị Hải N sử dụng vào ngày 01/12/2023, N khai mượn của một người bạn tên B quen biết ngoài xã hội và không biết được họ tên địa chỉ cụ thể, sau khi trộm cắp tài sản N trả xe lại cho B, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với cái ví đựng tiền màu đỏ, chị Nguyễn Thị Thu N khai mua với giá 50.000 đồng và sử dụng đã cũ không còn giá trị nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người bị hại và các cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án phù hợp.

Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 15 giờ ngày 01/12/2023, bị cáo Nguyễn Thị Hải N đã lén lút vào quầy thuốc tây Xuân Nguyệt, tại: Thôn N, xã B, huyện T, trộm cắp của vợ chồng anh Võ Văn X chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) tiêu xái cá nhân và bị phát hiện.

Hội đồng xét xử xác định hành vi, hậu quả của bị cáo Nguyễn Thị Hải N gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân được pháp luật bảo hộ. Bị cáo N tại thời điểm phạm tội là người đã trưởng thành, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng muốn dễ dàng có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo đã trộm cắp của vợ chồng anh Võ

Văn X, chị Nguyễn Thị Thu N số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, không an tâm với tài sản của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo.

- Xét nhân thân của bị cáo Nguyễn Thị Hải N xuất thân là nhân dân lao động. Hoàn cảnh gia đình khó khăn có khó khăn nhất định, bị cáo đang nuôi con nhỏ. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Hậu quả gây ra không lớn. Bị hại đã bãi nại và xin giảm nhẹ cho bị cáo. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện T về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại thời điểm phạm tội vào ngày 01/12/2023, lúc này bị cáo bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can và chưa bị xét xử đối với hành vi trộm cắp tại huyện Q. Đến ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Q xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 53 Bộ luật Hình sự và áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Tại bản án số: 11/2024/HS-ST ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Q đã tổng hợp hình phạt với bản án số: 33/2022/HS-ST ngày 29/8/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án là: 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù.

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số: 11/2024/HS-ST ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Q buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung cho cả hai bản án.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có nhân thân xấu nhiều lần bị xử phạt tù về hành vi trộm cắp tài sản. Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để các cơ quan chức năng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu N nhận thấy hoàn cảnh của bị cáo quá khó khăn nên không yêu cầu bồi thường. Đối với cái ví đựng tiền màu đỏ, chị Nguyễn Thị Thu N khai mua với giá 50.000 đồng và sử dụng đã cũ không còn giá trị không yêu cầu.

[5] Về vật chứng trong vụ án: Về số tiền 2.100.000 đồng bị cáo trộm cắp của bị hại. Hiện nay bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường. Xét thấy đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cần phải truy thu của bị cáo để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Các vấn đề khác liên quan trong vụ án:

- Đối với xe mô tô không rõ biển số bị cáo N sử dụng vào ngày 01/12/2023 để làm phương tiện phạm tội. Bị cáo N khai mượn của một người bạn tên B quen biết ngoài xã hội và không biết được họ tên địa chỉ cụ thể, sau khi trộm cắp tài sản bị cáo đã trả xe lại cho Bảo. Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với cái ví đựng tiền màu đỏ, chị Nguyễn Thị Thu N khai mua với giá 50.000 đồng và sử dụng đã cũ không còn giá trị nên Cơ quan CSĐT không đề cập xử lý cũng là thỏa đáng.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 56; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo: **Nguyễn Thị Hải N** phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Thị Hải N** 09 (Chín) tháng tù.

Tại bản án số: 11/2024/HS-ST ngày 08/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Q đã tổng hợp hình phạt với bản án số: 33/2022/HS-ST ngày 29/8/2022, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung là: 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt cho cả hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù chung là 06 (sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ Luật Hình sự; Điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Hải N số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) sung công quỹ Nhà nước.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải N trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 14/6/2024.

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án; Bị cáo Nguyễn Thị Hải N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành